TU THÂN NHO GIÁO VÀ TƯ TƯỞNG PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI CỦA HỒ CHÍ MINH

TRẦN TUẤN PHONG (*)

Khẳng định sự tương đồng giữa quan niệm của Nho giáo về tu thân với tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người, trong bài viết này, tác giả tập trung luận giải: 1) Bản tính con người và phát triển con người; 2) Tu thân Nho giáo và phát triển con người; 3) Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người. Từ những luận giải đó, tác giả kết luận: Tư tưởng về con người và phát triển con người của Nho giáo đã được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo trong sự kết hợp với chủ nghĩa Mác – Lênin để đem lại những nội dung nhân văn sâu sắc và luận giải sáng tạo về phát triển con người.

Khái niệm phát triển con người có thể tiếp cận từ nhiều khía cạnh khác nhau. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn luận giải sự phát triển con người như là sự phát triển (khai triển) của *bản tính con người*. Quan niệm phát triển con người như vậy có nhiều nét tương đồng với tư tưởng tu thân trong Nho giáo. Bởi lẽ, tu thân của Nho giáo gắn liền với quan niệm về bản tính con người và sự phát triển con người hướng tới một cuộc sống tốt đẹp bao gồm không chỉ hạnh phúc cho chính bản thân con người, mà còn cho cả sự hòa hợp trong gia đình, trong xã hội và cao nhất là sự hòa hợp với thiên nhiên (Vũ trụ). Quan niệm Nho giáo về bản tính con người và phát triển con người như vậy có thể tìm thấy trong tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh mà theo đó, mục đích của cách mạng là giành lại *độc lập* và *tự do* cho dân tộc để có thể tạo ra những điều kiện cần thiết cho mọi người được *hạnh phúc*, để "tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình"(1).

1. Bản tính con người và phát triển con người

Khi nói sự phát triển con người như là sự phát triển (khai triển) của *bản tính con người*, chúng tôi quan niệm rằng, phát triển con người là một tiến trình phát triển mang tính hữu cơ, như là một sự khai triển cụ thể của tiềm năng con người trong những bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội khác nhau. Nói cách khác, trong tiến trình lịch sử của nhân loại, bản tính con người ở dạng tiềm năng đã được hiện thân hay cụ thể hóa và được *định dạng hóa* trong các truyền thống văn hóa. Tính đa dạng của các truyền thống văn hóa (khác nhau) thể hiện tính sáng tạo của con người trong việc luận giải và khai triển bản tính con người. Đặc trưng cơ bản của phát triển con người là ở chỗ, sự phát triển con người gắn liền và song hành cùng với sự hình thành và cải

(*) Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.272.

biến của truyền thống văn hóa.

Chúng tôi không quan niệm rằng bản tính người là một tiềm năng có sẵn (và tĩnh tại), tồn tại tiên niệm và cần phải được hiện thực hóa. Ngược lại, bản tính người cần phải được hiểu như một nguyên nguồn hay nguồn tiềm năng vô hạn định (không được xác định trước) cho sự phát triển con người. Và, với tư cách là một nguyên nguồn, bản tính con người vừa là khả tính, vừa là công tính cho sự phát triển con người. Nó chính là điểm tham chiếu và nền tảng chung (được chia xẻ) cho mọi dạng hiện hữu của con người. Bản tính người đem lại tính năng động và tính thống nhất cho toàn bộ sự phát triển con người nói chung. Sự phát triển toàn diện (đầy đủ nhất) của bản tính con người hay sự hiện thực hóa hoàn toàn bản tính con người có thể đóng vai trò là lý tưởng hay ý nghĩa tối thượng mà con người phấn đấu vươn tới.

Với tư cách tiềm năng tính vô hạn, bản tính con người rộng mở cho con người luận giải và lựa chọn. Sự đa dạng của các luận giải (về bản tính con người) chính là những biểu thị (thể hiện) của tính sáng tạo của con người trong việc định dạng và phát triển bản tính con người, trong các truyền thống văn hóa khác nhau. Một truyền thống văn hóa nào đó vừa là sự biểu thị của tính sáng tạo, tính độc đáo của con người, vừa là sự đặc thù hóa bản tính con người trong một bối cảnh lịch sử cụ thể. Tính sáng tạo của con người ở đây gắn liền với sự tự - nhận thức, hay chính sự phản tỉnh về tính tiềm năng của bản tính con người và khả năng lựa chọn một phương thức hành động đặc thù, cụ thể phù hợp để phát triển (triển khai) bản chất con người. Đương nhiên, tự nhận thức không phải là đặc tính bẩm sinh của con người (khi sinh ra đã có), mà là kết quả của quá trình phát triển của con người thông qua giáo dục và hòa nhập xã hội trong một phương thức sống mang đậm tính xã hội của một cộng đồng nhất định. Trong văn cảnh như vậy, tính sáng tạo của con người là sự nuôi dưỡng và sự phát lộ của bản tính con người trong một cộng đồng văn hóa, nó cũng chính là động lực đóng góp cho sự phát triển liên tục của bản chất con người và sự biến cải truyền thống văn hóa nơi mà con người sinh ra và trưởng thành. Chính tính mở (openness) của bản chất con người với tư cách tiềm năng tính vô tận là cái góp phần tạo ra đặc tính năng động của sự phát triển con người và tính đa dạng của các truyền thống văn hóa. Với tư cách *cái phổ quát*, bản tính con người đóng vai trò là cơ sở tạo ra sự thống nhất cũng như nguyên nguồn cho sự đa dạng của các truyền thống văn hóa *đặc thù* (được hiểu như những sự luận giải và khai triển sáng tạo của con người về bản tính con người). Trong sự *đa dạng* của mình, các truyền thống văn hóa đã *định dạng* bản tính con người, biến bản tính con người từ *cái tiềm năng* thành *cái hiện thực*. Nói cách khác, bản tính con người không tồn tại biệt lập khỏi các truyền thống văn hóa, mà nó được cụ thể hóa (được định dạng, được hiện thực hóa hay hiện thể hóa) trong các truyền thống văn hóa thông qua hoạt động sáng tạo của các tác nhân con người. Sự hiện thể của bản tính con người, theo ngôn ngữ của tư duy hệ

thống, chính là một *phẩm tính phát khởi* (emerging quality) trong cuộc sống cộng đồng. Nó đóng vai trò là mẫu hình tổ chức đem lại trật tự, sự điều phối và tính ổn định cho cuộc sống của các thành viên trong cộng đồng đó và như thế, nó hỗ trợ và tạo điều kiện cho các thành viên trong cộng đồng phát triển tiềm năng và năng lực của mình. Với tư cách hình mẫu tổ chức của một cộng đồng, sự biểu hiện của bản tính con người đem lại cả cơ hội lẫn các giới hạn cho sự phát triển tiềm năng của các thành viên trong cộng đồng.

Như vậy, nhìn nhận từ góc độ của mối quan hệ biện chứng giữa *cái phổ quát, cái đặc thù* và *cái đơn nhất*, chúng ta nhận thấy rằng, phát triển con người với tư cách sự triển khai của bản tính con người được trung gian hóa qua các giai đoạn khác nhau và trong các bối cảnh lịch sử khác nhau của các truyền thống văn hóa. Các truyền thống văn hóa đóng vai trò là những không gian lịch sử - xã hội mà trong đó, các cá nhân con người được sinh ra và trở thành thành viên đầy đủ thông qua quá trình giáo dục và hòa nhập xã hội để tham gia và đóng góp vào sự phát triển cuộc sống xã hội của cộng đồng. Sự hình thành và phát triển con người với tư cách tồn tại xã hội bị chế định (ở mức độ nhiều hay ít) bởi các truyền thống văn hóa nơi họ sinh sống. Tuy nhiên, khi họ đã trưởng thành (là thành viên đầy đủ của xã hội) thì họ có thể thúc đẩy sự phát triển (triển khai) tiềm năng tính của con người và cải biến truyền thống văn hóa nơi mà họ sinh ra và trưởng thành. Tồn tại người mang đậm tính xã hội, vì con người và tiến trình "thành người" luôn được đặt trong sự đối thoại với truyền thống văn hóa để được đào luyện và phát triển thành người và trong đối thoại với bản tính con người để biến cải (tiếp tục phát triển) chính truyền thống đang nuôi dưỡng họ.

2. Tu thân Nho giáo và phát triển con người

Trung Dung được mở đầu bằng một tuyên ngôn hết sức cô đọng về bản tính con người và mục đích tu thân của con người: "Mệnh trời gọi là tính. Noi theo tính gọi là Đạo. Tu theo Đạo gọi là Giáo" (Thiên mạng chi vị tính. Suất tính chi vị Đạo. Tu Đạo chi vị Giáo)(2). Tính như vậy là sự "hiện diện" của mạng trời trong con người, sự phú bẩm của trời cho người. Nhân tính chính là mạng trời ở dạng tiềm năng vô tận, chưa được *định dạng* hay chưa được khai triển. Đạo chính là sự phát lộ (suất tính) của thiên mệnh (thiên tính) trong *thế giới* của con người. Đạo được cụ thể hóa (và vì thế, được đa dạng hóa) trong các bối cảnh lịch sử văn hóa cụ thể của một cộng đồng người, đấy là sự biểu hiện của thiên lý mà con người phải noi theo. Tiến trình tu thân chính là tiến trình khai triển, nhận biết và "sửa trị" bản thân theo Đạo phát lộ ra đó.

Trong Nho giáo, các khái niệm, như *Đạo, Lý, Thiên Lý* hay *Thiên Mệnh* cũng là nguyên lý thống nhất và trật tự nội tại tiềm ẩn trong Vũ trụ. Bản tính của con người, bản tính của muôn vật là sự hiện diện tiềm ẩn của nguyên lý này

(2) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập), t.2: *Trung Dung*. (Bản dịch của Đoàn Trung Còn). Nxb Thuận Hóa, 2006, tr.42-43.

("Thiên Mệnh chi vị tính"(3)); nó thể hiện cụ thể thông qua các hình thức tổ chức cuộc sống của muôn loại. Nói cách khác, sự sống của vạn vật có tổ chức, có thứ bậc và trật tự là sự phóng phát và khai triển của nguyên lý tiềm ẩn này. Trong cách thức tổ chức đời sống của *con người* thì Đạo đức mà Nho giáo đề cập đến chính là sự tỏa sáng, sự phóng phát của cái nguyên lý hay Thiên Mệnh đó ("Suất tính chi vị Đạo"(4)). Theo Phan Bội Châu, "Chữ "suất" ở đây có một nghĩa là tuân theo, như nói rằng "suất tuần"; lại có một nghĩa là đem dắt như nói rằng "thống suất", "suất lĩnh". Nhận cho thấu tinh thần chữ "suất" thời tinh thần chữ "tính" có thể dễ hiểu... "suất tính" vốn ở thiên mệnh. Thiên mệnh đã là cái lý tự nhiên thời tính cũng là cái lý tự nhiên mà làm thực thể cho lòng người ta"(5). Nếu "suất sử được tính cho đúng với đường lối phải thời bảo rằng "đạo"; mình muốn sửa trị thân mình cũng chỉ lấy đạo lý ấy mà thôi, nên nói rằng "tu thân dĩ đạo"". Ở bình diện phát triển của mỗi cá nhân con người thì mục đính của tu thân, hay suất tính, chính là đạt đến đức nhân, bởi "Tu đạo mà cốt cho được "chí ư chí thiện", tất phải thực hành cho được đức "nhân"; vậy nên, như Phan Bội Châu nói, không những tu thân dĩ đạo mà còn phải thấy rằng "tu đạo dĩ nhân" bởi vì "nhân" tức là "đạo", mà "đạo" cũng là "nhân"(6). Quan trọng ở đây là trong Nho giáo, "mục đích" và "phương tiện" không phải là hai cái tách biệt nhau. Đức nhân không phải là một trạng thái đặc biệt nào đó, mà là một đức hạnh ở dạng tiềm năng đang được hiện thực hóa (và định dạng cụ thể) trong tiến trình tu thân của con người. Vì thế nên Phan Bội Châu mới nói "nhân" tức là "đạo", mà "đạo" cũng là "nhân" và "đạo tức là tính, mà tính gửi ở người; người không suất được tính, thời đạo làm sao hành được!"(7).

Khác với các sinh thể khác, con người ý thức được sự hiện diện nội tại và tiềm ẩn của "Thiên Mệnh" trong chính bản chất của mình. Sự ý thức này đem lại sự chủ động và thể hiện tính sáng tạo của con người trong mối tương giao với "Thiên Mệnh" và bản tính tiềm tàng nơi mình. Nó là chủ động, bởi con người đóng vai trò to lớn trong việc khai triển và định dạng bản tính tiềm năng của mình và bởi "Người ta có thể mở rộng nền đạo đức nơi mình; chẳng phải nền đạo đức mở rộng được người"(8). Sự "mở rộng của nền đạo đức" chính là sự khai triển sáng tạo bản tính của con người trong những bối cảnh lịch sử văn hóa cụ thể của các cộng đồng người khác nhau; nó thể hiện trong cách thức tổ chức xã hội của một cộng đồng người. Sự hiện diện và triển khai của cách thức tổ chức (đạo) trong đời sống của con người đem lại trật tự, sự ổn định và an bình trong các "cấu trúc" khác nhau mà con người tham dự (gia đình, xã hội, nhà nước và thế giới). Sự đa dạng của các cách thức tổ chức đời sống của con người chính là sự sáng tạo của con người trong việc

(3) *Tứ Thư*. (trọn bộ 4 tập). *Sđd*., t.2, tr.40.
(4) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). *Sđd*., t.2, tr.40.
(5) Phan Bội Châu. *Khổng Học Đăng*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998, tr.393.
(6) Phan Bội Châu. *Sđd*., tr.447.
(7) Phan Bội Châu. *Sđd*., tr.393.
(8) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). Sđd., t.3: *Luận ngữ*. (Bản dịch của Đoàn Trung Còn). Nxb Thuận Hóa. 2006. tr.251.

luận giải bản tính con người để tìm ra và hiện thực hóa các hình thức phát triển phù hợp cho cộng đồng của mình. Các cách tổ chức đời sống xã hội khác nhau trong lịch sử của các cộng đồng người cũng chính là các "đời sống đạo đức" của những cộng đồng đó, tuy khác nhau nhưng đều xuất phát từ một nguyên nguồn chung của thiên tính hay nhân tính. Nói cách khác, con người, xét về tính, là như nhau, nhưng khác nhau bởi tập tục: "Tính tương cận, tập tương viễn".

Còn có thể nói rằng, "đời sống đạo đức" hay tập tục thể hiện mối tương giao giữa con người với Trời Đất và vạn vật. Sống có đạo đức là sống trong sự thức tỉnh và hiện thực hóa mối tương giao này qua việc khai triển và "thi hành Mệnh Trời' để *Thành* người. Chữ *Thành*(誠) trong Nho giáo, như giáo sư Yong Huang giải thích, bao gồm cả sự nhận biết (thức tỉnh) được bản tính hay Đạo (lý) trong (tâm) mình lẫn tiến trình "hiện thực hóa" bản tính của mình trong đời sống đạo đức(9). Sự thức tỉnh và triển khai của Mệnh Trời này là tiến trình tu thân của con người. Thành quả của nỗ lực tu thân không những là sự phát triển (hoàn thiện hóa) của cá nhân, mà còn thể hiện trong trật tự của gia đình, ổn định của quốc gia và thái bình của thế giới. Con người đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc thiết lập và duy trì sự ổn định và phát triển của toàn bộ vũ trụ và nỗ lực tu thân của con người ("từ bậc Thiên tử xuống chí hạng bình dân") chính là yếu tố quyết định trên con đường đạt đến mục đích cao cả đó: "Những vị vua thánh thủa xưa muốn làm cho cái đức tính mình tỏ sáng ra trong thiên hạ, trước hết phải lo sửa trị nước mình. Muốn sửa trị nước mình, trước phải sắp đặt nhà cửa cho chỉnh tề. Muốn sắp đặt nhà cửa cho chỉnh tề, trước phải tu tập lấy mình" bởi vì chỉ khi tu tập được mình thì "mới sắp đặt nhà cửa cho chỉnh tề. Nhà cửa đã sắp đặt cho chỉnh tề, thì nước mới sửa trị được. Nước đã sửa trị, thiên hạ mới bình an. Trên từ bậc Thiên tử xuống chí hạng bình dân, ai nấy đều phải lấy sự tu tập lấy mình làm gốc"(10).

Tiến trình tu thân, như vậy, mang tính bản thể luận sâu sắc. Sự biết hay tự nhận biết trong tu thân không đơn giản là hiểu biết mang tính lý thuyết thuần túy, mà là "sự phát lộ (thể hiện ra) bản tính đích thực của con người... bản tính đích thực không chỉ được nhận biết mà còn một hoạt động tự sinh tạo và tự định hướng", vậy nên tự nhận biết "đồng thời là tự hoàn thiện bản thân"(11). Tu thân không những gắn liền với sự phát triển của cá nhân con người, mà nó còn liên quan đến sự phát triển và ổn định của gia đình, xã hội, sự phát triển hài hòa quốc gia và rộng hơn nữa sự phát triển bền vững của cả vũ trụ.

Cũng cần phải nhấn mạnh rằng, sự hài hòa và tính bền vững trong Nho giáo là một tiến trình động được hiện thực hóa trong những thang bậc (mức độ) khác nhau của nỗ lực tu thân đích thực của con người. Ở bậc thánh nhân

(9) Yong Huang. *Confucius and Mencius on the motivation to be moral*. Philosophy East & West Volume 60, Number 1 January, 2010, p.72.
(10) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). Sđd., t.1: *Đại Học*. (Bản dịch của Đoàn Trung Còn). Nxb Thuận Hóa, 2006, tr.9.
(11) Tu Weiming, p.20.

đó là sự đồng hàng và hòa điệu với nhịp sống tự nhiên của Trời Đất và Vạn Vật. Đồng hàng và hòa điệu với nhịp sống của Trời Đất và vạn vật đạt được trong nỗ lực tu thân chính là hạnh phúc lớn nhất của con người. Niềm hạnh phúc này không phải chỉ dừng lại ở chỗ hiểu biết mang tính lý luận theo kiểu phương Tây hay sự ưa thích bình thường, mà là sự hòa điệu với Đạo "Biết Đạo chẳng bằng ưa Đạo; ưa Đạo chả bằng vui với Đạo"(12). Không hạnh phúc và an lạc sao được khi mà ta nhận ra rằng, "Càn (trời) là cha, Khôn (đất) là mẹ, tấm thân nhỏ nhoi của ta tương hợp với trời đất mà đứng ở giữa. Cho nên cái khí lấp đầy trời đất là thân thể ta. Cái thống lĩnh trời đất là bản tính của ta. Người dân là đồng bào của ta. Vạn vật là bè bạn của ta"(13).

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người

Phát triển cá nhân của mỗi con người luôn diễn ra trong một nền văn hóa cụ thể và cơ hội cũng như sự lựa chọn cho sự phát triển của cá nhân được định hướng và điều kiện hóa (hạn chế) bởi những điều kiện lịch sử, văn hóa, chính trị cụ thể, những giá trị và cách thức nhất định đã tồn tại trong truyền thống văn hóa đó. Phát triển cá nhân của con người, vì thế, luôn gắn liền với phát triển của cả cộng đồng và hơn thế nữa, có liên quan tới sự phát triển của toàn nhân loại. Những tư tưởng về phát triển con người như vậy, chúng ta có thể tìm thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây cũng là nội dung mà chúng tôi muốn đề cập đến trong phần này của bài viết.

Tư tưởng phát triển con người của Hồ Chí Minh là sự kết hợp sáng tạo những tư tưởng nhân văn tiến bộ của phương Đông với những tinh hoa của các nền văn hóa khác nhau của phương Tây. Hồ Chí Minh đã từng khẳng định rằng, "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo của Jêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Jêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao? Họ đều mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu hạnh phúc cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm một người học trò nhỏ của các vị ấy"(14).

Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương đạo đức mẫu mực trong tu dưỡng và phát triển nhân cách. Người đã từng viết: "Cụ Khổng Tử nói: Mình có đứng đắn, mới tề được gia, trị được quốc, bình được thiên hạ. Tự mình phải chính trước, mới giúp được người khác chính. Mình không chính, mà muốn người khác chính là vô lý"(15). Nhân cách của người "đã phát hiện ra ngoài... trở nên

(12) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). Sđd., t.3: *Luận Ngữ*. (Bản dịch của Đoàn Trung Còn). Nxb Thuận Hóa, 2006, tr.93.

(13) Dẫn theo: Phùng Hữu Lan. *Lịch sử triết học Trung Quốc*, t.2. (Bản dịch của Lê Anh Minh). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr.555.

(14) Xem: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nxb Tam Liên, tháng 6 năm 1949.

(15) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.644.

tỏ rõ... sáng chói... cảm động mọi người và mọi vật"(16). Thế nên với việc "Cụ Hồ đồng thời đóng ba vai trò trong thời kỳ sau cách mạng: lãnh tụ của Đảng Cộng sản chiến thắng (Chủ tịch Đảng), lãnh tụ chính trị của nước Cộng Hòa dân chủ mới ra đời (Chủ tịch nước) và quan trọng hơn, là hình tượng người cha của đồng bào mình, nhất là đối với thanh niên (Bác Hồ)", Hồ Chí Minh đã "thực hiện thành công cả vai trò chính trị cũng như vai trò đức độ truyền thống được mọi người kính yêu"(17).

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người mang nội dung nhân văn sâu sắc và mang nhiều nét ảnh hưởng của tu thân Nho giáo. Đúng như nhà sử học Đào Duy Anh đã từng khẳng định: "Trong phong cách, phẩm cách và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều yếu tố Nho giáo, mà chính các yếu tố Nho giáo ấy dung hòa nhuần nhuyễn với những truyền thống ưu tú của dân tộc Việt Nam, đã tạo nên một sắc thái độc đáo của nhà mácxít - lêninnít vĩ đại được nhân dân thế giới ngưỡng mộ"(18).

Hồ Chí Minh quan tâm đến không chỉ là sự phát triển cá nhân, mà còn là sự phát triển cho tất cả mọi người. Bởi vì, như Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, "chữ Người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bạn bè. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người"(19). Ta cũng có thể thấy rằng trong quan điểm của Nho giáo thì mục đích của tu thân là phát triển trọn vẹn bản tính con người đó cũng chính là tiến trình làm người và thành người. Mà thành là "gốc và ngọn của mọi vật, chỗ sơ khởi và chỗ cuối cùng của mọi vật" hơn nữa, "thành không phải tự mình thành tựu không mà thôi, mình phải thành tựu cho mọi vật nữa. Mình thành tựu cho mình đó là nhân. Còn mình thành tựu cho mọi vật đó là trí"(20).

Hạnh phúc đích thực mà con người tìm kiếm được hiện thực hoá trong sự khai triển trọn vẹn của bản tính con người (thành người), đó cũng chính là lý tưởng và mục đích của sự phát triển con người. Mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu hạnh phúc cho xã hội và mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc cũng chính là mục tiêu chính trong cuộc đời cách mạng của Hồ Chí Minh: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân... Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân"(21); hoặc, "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ta ai ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"(22).

Mục đích cách mạng của Hồ Chí Minh là giành lại quyền độc lập cho đất nước, quyền tự do cho dân tộc để có thể thực hiện *quyền được phát triển*, "quyền được sung sướng và quyền hạnh phúc"

(16) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). Sđd., t.2: *Trung Dung*. (Bản dịch của Đoàn Trung Còn). Nxb Thuận Hóa, 2006, tr.79.
(17) John Lê Văn Hóa. *Tìm hiểu nền tảng văn hóa dân tộc trong tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh*. (Bản dịch Nguyễn Việt Long). Nxb Hà Nội, 1995, tr.31.
(18) Xem: Đào Phan. *Hồ Chí Minh danh nhân văn hóa*. Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1991, tr.208-209.
(19) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5. tr.644.
(20) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). Sđd., t.2: *Trung Dung*. (Bản dịch của Đoàn Trung Còn). Nxb Thuận Hóa, 2006, tr.81.
(21) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4. tr.240.
(22) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5. tr.240.

cho mọi người dân. Rõ ràng rằng, khi đất nước bị mất chủ quyền, cả dân tộc sống trong ách nô lệ thì người dân làm gì có tự do mà phát triển. Xuất phát từ lòng yêu nước, thương nòi của mình trong tiến trình đi tìm đường cứu nước để giành lại độc lập cho dân tộc, giải phóng cho đồng bào khỏi ách nô lệ của thực dân, Hồ Chí Minh đã tìm ra chủ nghĩa cộng sản là con đường phù hợp và đúng đắn để đạt được mục đích đó: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tán thành theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"(23).

Khi đã giành lại độc lập cho đất nước, thì "các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu sự tự do hạnh phúc cho mọi người"(24). Bởi vì, Hồ Chí Minh hiểu rõ rằng, "nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì" và "chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"(25). Mục đích của chủ nghĩa xã hội cũng được Người nêu một cách rõ ràng và dễ hiểu: "Chủ nghĩa xã hội là làm *cho mọi người dân* sung sướng, ấm no"(26) (tác giả nhấn mạnh); "mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân"(27), hoặc "nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"(28). Vậy nên, sau khi cách mạng thành công, Người đã đề ra những công việc cần phải lập tức thực hiện để tạo điều kiện cho "tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình"(29), mà cụ thể là, "chúng ta phải thực hiện ngay:

1) Làm cho dân có ăn
2) Làm cho dân có mặc
3) Làm cho dân có chỗ ở
4) Làm cho dân có học hành"(30).

Nếu như làm cho dân có ăn, có mặc và có chỗ ở là đáp ứng những điều kiện thiết yếu để con người sinh tồn, thì làm cho dân có học hành là tạo điều kiện và cơ hội để con người phát triển. Sau giặc ngoại xâm và giặc đói thì giặc dốt cũng là một chướng ngại to lớn cần vượt qua. Sự nghiệp giáo dục được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, bởi "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Trong thư gửi các em học sinh, Người đã căn dặn, "chúng ta phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu". Điều đó có thể làm được, vì học sinh của chế độ mới "được hấp thụ một

(23) http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/Preview/PrintPreview.aspx?co_id=28340618&cn_id=355197.
(24) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4. tr.22.
(25) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5. tr.152.
(26) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.31.
(27) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.159.
(28) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.17.
(29) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.272.
(30) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.152.

nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em"(31). Mục tiêu "phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có" không những là đem lại hạnh phúc cho cá nhân, mà còn giúp "xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại" để làm sao "theo kịp các nước trên hoàn cầu". Đó cũng là việc nước, "là việc chung, mỗi con Rồng cháu Tiên, bất kỳ già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiệm, đều phải gánh một phần, đều phải ra sức"(32). Sự nghiệp phát triển con người, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, là sự nghiệp chung của cả dân tộc. Tương lai của dân tộc, của đất nước phụ thuộc vào mỗi người, vào sự phấn đầu và phát triển liên tục, không mệt mỏi của mỗi con người. Bởi lẽ, "nếu mỗi người đều tốt, thì thành làng tốt, nước mạnh. Người là gốc của làng nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc ta nhất định sẽ phú cường.... Việc thế giới rất nhiều, học không bao giờ hết. Người có học mới có tiến bộ. Càng học càng tiến bộ"(33).

Kết luận

Có thể nói, tu thân Nho giáo là một sự khai triển bản tính con người. Thông qua tiến trình tu thân, bản tính con người ở dạng tiềm năng đã được hiện thực hóa, sự sáng tạo và tính năng động của tu thân đã tạo ra sự đa dạng của các truyền thống văn hóa. Phát triển con người hay tu thân luôn diễn ra trong một bối cảnh văn hóa nhất định của một cộng đồng, một tộc người, một dân tộc. Phát triển của cá nhân quan hệ một cách biện chứng với sự phát triển của cộng đồng: Chỉ thông qua quá trình xã hội hóa và hòa nhập xã hội thì cá nhân mới trưởng thành, mới có đủ thẩm năng để tham gia vào tiến trình phát triển của cộng đồng, nhưng cũng chính thông qua hoạt động và sự phát triển sáng tạo của các cá nhân thì cộng đồng mới không ngừng được đổi mới và phát triển. Trong mối liên thông với bản tính con người, sự phát triển con người là sự định dạng của bản tính con người, thể hiện qua các hình thức tổ chức gia đình, xã hội và quốc gia. Như vậy, có thể nói, tu thân Nho giáo được hiểu như phát triển con người, không những gắn liền với sự phát triển của cá nhân con người, mà còn liên quan đến sự phát triển và ổn định của gia đình, xã hội, sự phát triển hài hòa của quốc gia và rộng hơn nữa là sự phát triển bền vững của cả vũ trụ. Những tư tưởng về con người, phát triển con người của Nho giáo đã được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo trong sự kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin để đem lại những nội dung nhân văn sâu sắc và luận giải sáng tạo về phát triển con người. Trong tư tưởng của Người, phát triển con người luôn gắn liền với phát triển của cả dân tộc và xa hơn nữa là sự phát triển của toàn nhân loại. Đây cũng là nội hàm chính của *phát triển con người bền vững,* là sự phát triển đem lại sự yên ấm cho gia đình, sự hài hòa cho xã hội, ổn định cho quốc gia và sự an bình cho toàn thế giới. ❑

(31) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.32.
(32) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.240.
(33) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.99.